HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

BÁNH KHÔ GẠO LỨT

CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB
Địa chỉ: Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

THÁNG 06/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/KIMNHUFNB/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

Địa chỉ: Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0344 777 818 Fax: .....

Email:

Mã số doanh nghiệp: 3901332246

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 01/GCNATTP-SCT. Do Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/01/2023, có hiệu lực đến ngày 13/01/2026.

II. Thông tin sản phẩm

1. **Tên sản phẩm**: **BÁNH KHÔ GẠO LỨT**
2. **Thành phần:** gạo lứt (38%), hạt bí, hạt điều, hạnh nhân lát, siro bắp, muối i-ot, bột tỏi, mạch nha, mật ong, rong biển, chà bông heo.
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 30 ngày kể từ ngày sản xuất nếu bảo quản ở điều kiện nhiệt độ phòng, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên nhãn hoặc trên bao bì.

4. **Hướng dẫn sử dụng:** dùng ăn trực tiếp ngay khi mở bao bì.
5. **Bảo quản:** bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
6. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

- Sản phẩm được chứa trong bao bì PA, PP, PET đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Bao bì ngoài thùng carton.
- Quy cách đóng gói: khối lượng tịnh 150g hoặc khối lượng tịnh có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường.

7. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

- Nơi sản xuất: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

- Địa chỉ sản xuất: Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

BÁNH KHÔ GẠO LỨT

Thành phần: gạo lứt (38%), hạt bí, hạt điều, hạnh nhân lát, siro bắp, muối i-ot, bột tỏi, mạch nha, mật ong, rong biển, chà bông heo.

Ngày sản xuất: .../.../... **Hạn sử dụng**: .../.../...

Hướng dẫn bảo quản: 30 ngày kể từ ngày sản xuất nếu bảo quản ở điều kiện nhiệt độ phòng, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Hướng dẫn sử dụng: dùng ăn trực tiếp ngay khi mở bao bì.

Thông tin cảnh báo: không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu mốc.

Khối lượng tịnh: 150g hoặc khối lượng tịnh có thể thay đổi theo nhu cầu thị trường.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

Địa chỉ: số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của chính phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về Quy định chi tiết một số điều về luật an toàn thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT thông tư hướng dẫn cách ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3901332246 - C.T.N.H.H. - CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB - TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Huỳnh Kim Như

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

1.1.Các chỉ tiêu cảm quan

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Trạng thái	Dạng rắn, xốp, có hạt
2	Màu sắc	Màu sắc đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi vị	Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ, không có vị lạ

1.2.Các chỉ tiêu vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC TỐI ĐA
1	*TSVSVHK*	CFU/g	10^6
2	*Coliforms*	CFU/g	10^3
3	*E. coli*	CFU/g	10^2
4	*S.aureus*	CFU/g	10^2
5	*Cl.perfringens*	CFU/g	10^2
6	*B.cereus*	CFU/g	10^2
7	*TSBTNM-M*	CFU/g	10^3
8	*Salmonella*	CFU/25g	0

1.3.Hàm lượng kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC TỐI ĐA
1	Cadimi	mg/kg	1.0
2	Chì	mg/kg	2.0

1.4.Độc tố vi nấm

Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC TỐI ĐA
1	*Aflatoxin B1*	µg/kg	5
2	*Aflatoxin B1B2G1G2*	µg/kg	15

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: OCC5240600275-1

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Số 30A, Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	08/06/2024
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	08/06/2024 - 13/06/2024
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	13/06/2024
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**BÁNH KHÔ GẠO LỨC**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong hũ nhựa kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: OCC5240600275-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
3	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
4	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0)	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
5	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
9	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
10	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
11	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
12	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: OCC5240600275-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
13	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	461	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
14	Đạm (*) / Protein (*)	16.6	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
15	Béo tổng (*) / Total fat (*)	21.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
16	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	50.4	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
17	Xơ tổng số (*) / Total dietary fiber (*)	4.75	%	TCVN 9050:2012
18	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	225	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: OCC5240600275-1

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*NUTRITION FACTS*)			
Thành phần dinh dưỡng *Nutritional ingredients*	Trên 100 g *In 100 g*		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu *% Nutrient reference values*
Năng lượng *(Energy)*	**461**	**kcal**	**23%**
Chất đạm *(Protein)*	**16.6**	**g**	**33%**
Carbohydrate không bao gồm xơ	**50.4**	**g**	**16%**
Chất béo *(Fat)*	**21.5**	**g**	**38%**
Natri *(Sodium)*	**225**	**mg**	**11%**

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g; Chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat: 56 g; Saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TÂY NINH
Chứng nhận

Cơ sở: **Công ty TNHH MTV KIM NHƯ FnB**

Loại hình sản xuất, kinh doanh: các loại bánh từ bột

Chủ cơ sở: Bà Huỳnh Kim Như

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: số 30A Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường III, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0344.777818

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 8159 quyển số 02/2024-SCT/BS
Ngày 28 tháng 6 năm 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN

Lương Tâm Thanh

Tây Ninh, ngày 13 tháng 01 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Thành Đời

Số cấp: 01/GCNATTP-SCT
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày 13/01/2026

(Kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
số 01/GCNATTP-SCT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Sở Công Thương)

STT	Tên nhóm sản phẩm
III	**Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**
1	Bánh, mứt, kẹo

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3901332246

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 12 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV KIM NHƯ FNB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: *0344.777.818* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HUỲNH KIM NHƯ Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *02/08/1998* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *072198010705*

Ngày cấp: *25/01/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUỲNH KIM NHƯ

Chức danh: Giám đốc Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *02/08/1998* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *072198010705*

Ngày cấp: *25/01/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 30A, Nguyễn Thái Học, khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 8152 quyển số 02 /2024-SCT/BS
Ngày 28 tháng 6 năm 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LƯƠNG TÂM THANH
TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Lương Tâm Thanh

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Hồng Thắm